TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2019/LĐ-PT
Ngày 13 - 11 - 2019
V/v: "Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đỗ Thị Yến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 13/2019/TLPT-LĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội".*

Do bản án lao động sơ thẩm số 35/2018/LĐ-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2019/QĐXXPT-LĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hoàng Lê Diễm T,** sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số F, đường số H, khu phố B, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Tấn T1**, sinh năm 1976 (Theo giấy ủy quyền ngày 27/3/2018).

Địa chỉ: Số R, đường H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: **Công ty cổ phần H**.

Địa chỉ: Đường Đ, khu phố T, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1968 (Theo giấy ủy quyền số 30/UQ-CPHV ngày 28/03/2018).

Địa chỉ: Số E, tổ H, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai**.

Địa chỉ: Số Y, đường H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Phương H**, sinh năm 1976 (Theo giấy ủy quyền số 42/GUQ-BHXH ngày 14/6/2018).

- *Người kháng cáo*: Bà **Hoàng Lê Diễm T – Nguyên đơn.**

(Ông T1 có mặt, bà A và bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Lê Diễm T do ông Lê Tấn T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hoàng Lê Diễm T được Công ty cổ phần H nhận vào làm việc từ tháng 8/1998 không có hợp đồng lao động, bà không nhớ rõ về lương đã được nhận bao nhiêu. Đến tháng 4/2001, Công ty cổ phần H ký 04 lần hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng. Năm 2004, Công ty cổ phần H ký hợp đồng không xác định thời hạn; ngày 01/6/2016, Công ty cổ phần H ký hợp đồng không xác định thời hạn; công việc làm là nhân viên, mức lương hiện tại là: 6.596.000 đồng.

Từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016, Công ty cổ phần H bố trí cho bà T ngừng việc 28 ngày. Từ tháng 01/2017 đến tháng 10/2017, Công ty cổ phần H bố trí cho bà T ngừng việc 100 ngày. Tổng cộng là 128 ngày. Công ty cổ phần H trả tiền lương ngừng việc cho bà T theo mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm, cụ thể năm 2016: 3.500.000 đồng/tháng; năm 2017: 3.750.000 đồng, khi trả tiền lương ngừng việc Công ty cổ phần H không thỏa thuận với bà T. Như vậy, tiền lương chênh lệch mà Công ty trả cho bà T còn thiếu năm 2016 (28 ngày) là 3.334.000 đồng, năm 2017 (100 ngày) là 10.946.000 đồng. Đồng thời, qua kiểm tra, đối chiếu việc Công ty cổ phần H đóng bảo hiểm xã hội cho bà T trong suốt thời gian làm việc thì bà T không thấy Công ty cổ phần H đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 8/1998 đến hết tháng 3/2001, tổng cộng: 31 tháng. Bà Hoàng Lê Diễm T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần H thanh toán tiền lương ngừng việc còn thiếu của năm 2016, 2017 cho bà T tổng cộng là 14.280.000đ và truy đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/1998 đến hết tháng 3/2001 là 31 tháng, trường hợp không đóng thì trả cho bà Hoàng Lê Diễm T bằng tiền: 6.596.000 đồng x 22% x 31 tháng = 44.985.000 đồng.

Tại phiên toà ngày 14/11/2018 ông Lê Tấn T1 đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Lê Diễm T có đơn đề nghị Công ty cổ phần H truy đóng bảo hiểm xã hội theo 03 mức lương của Nhà nước cho bà T từ tháng 8/1998 đến tháng 3/2001, cụ thể: Từ tháng 8 năm 1998 đến tháng 12 năm 1999 là 17 tháng x 1,35 x 130.000đồng x 20% = 596.200đồng; Từ tháng 01 năm 2000 đến tháng 12 năm 2000 là 12 tháng x 1,35 x 180.000đồng x 20% = 583.200đồng; Từ tháng 01 năm

2001 đến tháng 3 năm 2001 là 03 tháng x 1,35 x 210.000đồng x 20% = 170.100đồng. Tổng số phí bảo hiểm xã hội: 1.350.000đồng. Đối với yêu cầu trả tiền lương ngừng việc thì nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trước đây.

- Bị đơn Công ty cổ phần H do bà Nguyễn Thị Anh đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hoàng Lê Diễm T trước đây là công nhân tại Xí nghiệp Tách cọng theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Thời gian ký kết hợp đồng lao động làm việc tại Công ty cổ phần H từ tháng 4/2001 và đã nghỉ việc từ tháng 4/2018.

Từ tháng 8/1998 đến tháng 3/2001, bà T có làm công việc theo thời vụ tại Công ty cổ phần H với công việc phân loại nguyên liệu thuốc lá tại phân xưởng chế biến, không có ký kết hợp đồng lao động, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng có việc thì thông báo vào làm, không có việc thì thông báo nghỉ nhưng có báo cho người lao động biết trước 03 ngày. Công việc chính trong thời gian này là phân loại nguyên liệu thuốc lá tại phân xưởng chế biến. Do công việc có tính chất mùa vụ nên khi trả lương, Công ty chỉ trả tiền lương theo ngày hoặc lương khoán theo nhóm đã có tính thêm 30% bao gồm bảo hiểm xã hội, nghỉ phép, thưởng,…để người lao động tự lo nên không có bảng lương ổn định theo tháng, theo năm, người lao động nhận lương thông qua tổ trưởng hoặc theo nhóm không có ký nhận. Công ty cũng không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bà T cũng không có ý kiến thắc mắc khiếu nại gì. Tháng 4/2001, Công ty ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn với bà T và từ đó đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế đầy đủ. Tháng 4/2018, bà T đã xin thôi việc và Công ty đã giải quyết chế độ cho bà T đầy đủ kể cả trong thời gian từ năm 1998 đến năm 2001 mặc dù làm công việc theo thời vụ không ký kết hợp đồng lao động nhưng Công ty cổ phần H vẫn giải quyết trợ cấp thôi việc cho bà 1 năm ½ tháng lương.

Đối với yêu cầu khởi kiện trả lương ngừng việc:

Công ty cổ phần Hòa Việt là đơn vị thành viên của Tổng Công ty thuốc lá Việt Nam là tiền thân của Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa năm 2005 nhưng vốn nhà nước vẫn chiếm phần lớn. Đặc thù hoạt động của Công ty chủ yếu là trồng, thu hoạch, sơ chế thuốc lá, vụ mùa bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau mới có thu hoạch, sản xuất kinh doanh của Công ty mang tính thời vụ. Vì vậy, trong năm có nhiều đợt không có nguyên liệu sản xuất nên phải cho công nhân nghỉ hưởng lương ngừng việc. Trong những năm qua do tác động của thị trường, ảnh hưởng tình hình thời tiết thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp, Luật phòng chống tác hại thuốc lá cũng ảnh hưởng đến tâm lý của người tiêu dùng, do đó quy mô đầu tư vùng nguyên liệu thuốc lá của Công ty ngày càng thu hẹp, doanh số hàng năm giảm nhiều. Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty ban hành ngày 26/4/2016,

Quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty, Nghị định số 49/2013/NĐ – CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ luật lao động về tiền lương, Công ty đã trả tiền lương ngừng việc của bà T năm 2016: 3.500.000 đồng/tháng; năm 2017: 3.750.000 đồng/tháng. Công ty xác định đã trả tiền lương ngừng việc cho bà T là đúng quy định của pháp luật nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội:

Thời gian bà Hoàng Lê Diễm T ký kết hợp đồng lao động làm việc tại Công ty từ tháng 4/2001 và Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ, thời gian từ tháng 8/1998 đến tháng 3/2001, bà làm công việc theo thời vụ, không có ký hợp đồng lao động. Căn cứ theo Bộ luật Lao động năm 1994 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đối với những trường hợp lao động thời vụ từ năm 2004 trở về trước Công ty chỉ giao kết hợp đồng bằng miệng là đúng. Tại Thông tư số 06/TT-BLĐTB-XH ngày 04/4/1995 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều về Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ thì việc bà T khởi kiện yêu cầu Công ty phải truy đóng bảo hiểm xã hội hoặc trả tiền mặt cho bà T từ tháng 8/1998 đến tháng 3/2001 với số tiền là 1.350.000đồng, Công ty không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai do bà Đinh Thị Phương H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hoàng Lê Diễm T có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 04 năm 2001 đến tháng 4 năm 2018 là 17 năm 01 tháng và tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 01 năm 2009 đến tháng 4 năm 2018 là 08 năm 06 tháng tại Công ty cổ phần H (tên cũ là Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam).

Về yêu cầu của bà Hoàng Lê Diễm T đối với Công ty cổ phần H phải đóng bảo hiểm xã hội cho bà Hoàng Lê Diễm T từ tháng 8 năm 1998 đến tháng 3 năm 2001 là 02 năm 08 tháng, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai có ý kiến: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai đề nghị Công ty cổ phần H và bà T phối hợp lập hồ sơ theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số: 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế để bảo hiểm xã hội tỉnh có căn cứ truy thu và điều chỉnh số bảo hiểm xã hội cho bà Hoàng Lê Diễm T.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 35/2018/LĐ-ST ngày 14/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Lê Diễm T về "Tranh chấp tiền lương ngừng việc và bảo hiểm xã hội" với Công ty cổ phần H.

Ngoài ra, án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 14/11/2018, nguyên đơn bà Hoàng Lê Diễm T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số 35/2018/LĐ-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Lê Diễm T, sửa một phần bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Lê Diễm T về tranh chấp tiền lương ngừng việc. Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà Hoàng Lê Diễm T 14.280.000 đồng tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Lê Diễm T về việc yêu cầu Công ty cổ phần H lập thủ tục hồ sơ truy đóng bảo hiểm xã hội cho bà T từ tháng 8/1998 đến tháng 3/2001 với mức phí là 1.350.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hoàng Lê Diễm T làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị A là đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bà Đinh Thị Phương H là đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội Đồng Nai có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà T:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà T về bảo hiểm xã hội:

Bà T cho rằng bà được Công ty nhận vào làm việc liên tục từ tháng 8/1998 đến tháng 03/2001 nhưng theo Công ty thì bà T làm việc có tính mùa vụ. Theo quy định tại Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam để lập hồ sơ truy đóng bảo hiểm xã hội thì phải có Hợp đồng lao động, các giấy tờ có liên quan như: Quyết định nâng bậc lương,

quyết định tiếp nhận hoặc điều động, hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, bảng lương….tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thừa nhận từ khi bà T vào làm việc từ tháng 8/1998 đến tháng 03/2001 giữa bà T và Công ty không ký hợp đồng lao động, hai bên cũng không cung cấp được bảng thanh toán tiền lương tương ứng với thời gian truy thu hoặc các giấy tờ liên quan đến việc khoán sản phẩm công việc. Việc bà T căn cứ vào danh sách những người lao động có thể hiện số năm, tháng tham gia làm việc tại Công ty của Công ty cổ phần H gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai và Bảo hiểm xã hội Việt Nam để xin ý kiến cơ quan bảo hiểm xã hội cho truy đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động vào năm 2007, 2008 là không có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã có văn bản số 4175/BHXH-BT ngày 07/11/2019 xác định trường hợp các bên không cung cấp được mức lương, chức danh nghề nghiệp hoặc những nội dung trong bản hợp đồng lao động.. theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục III Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội thì không có căn cứ để tính thời gian truy thu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc lập thủ tục, truy đóng bảo hiểm xã hội cho bà T thời gian từ tháng 8/1998 đến tháng 03/2001 là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của bà T về phần này.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà T về tiền lương ngừng việc:

Bà T và Công ty thống nhất về số ngày ngừng việc là 128 ngày, cụ thể năm 2016 là 28 ngày; năm 2017 là 100 ngày, bà T yêu cầu Công ty phải trả tiền lương ngừng việc còn thiếu của năm 2016, năm 2017 là 128 ngày, số tiền là 14.280.000 đồng. Theo bà T lỗi ngừng việc là của Công ty nên Công ty phải trả đủ lương, còn theo Công ty cổ phần H xác định ngừng việc là do kinh tế. Từ khi Việt Nam phê chuẩn Công ước khung về kiểm soát thuốc lá (FCTC) của Tổ chức y tế thế giới, đồng thời, do tác động của thị trường, ảnh hưởng của tình hình thười tiết, thiên tai dịch bệnh diễn biến phức tạp,… Công ty cổ phần H đã phải chấm dứt hoạt động nhiều chi nhánh, thu hẹp sản xuất nên đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo tài liệu chứng cứ mà Tòa án cấp phúc thẩm thu thập bổ sung do Thanh tra Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cung cấp thì Bản kết luận của Thanh tra Bộ lao động Thương binh và Xã hội có kiến nghị Công ty cổ phần H thực hiện thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc. Do vậy dù có khó khăn về kinh tế Công ty cổ phần H vẫn phải tiến hành thỏa thuận với người lao động về lương ngừng việc nhưng Công ty không thỏa thuận với người lao động là trái với quy định tại khoản 3 Điều 98 của Bộ luật Lao động năm 2012. Như vậy, đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm nên cần sửa án sơ thẩm về tiền lương ngừng việc, buộc Công ty cổ phần H phải

trả cho bà T tiền lương ngừng việc còn thiếu trong năm 2016 là 28 ngày, năm 2017 là 100 ngày tổng số tiền là 14.280.000đồng.

[3] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm về nghĩa vụ trả lương ngừng việc nên Công ty cổ phần H phải chịu 428.400 đồng án phí lao động sơ thẩm; Bà T được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Lê Diễm T, sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2018/LĐ-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Căn cứ Điều 27, Điều 28, Điều 140, Điều 141 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 98, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Thông tư số 09/LĐ-TBXH ngày 26/4/1996 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội; Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1**.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Lê Diễm T về tranh chấp tiền lương ngừng việc. Buộc Công ty cổ phần H phải trả cho bà 14.280.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn) đồng tiền lương ngừng việc năm 2016 và năm 2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Lê Diễm T về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội" với Công ty cổ phần H.

3. Về án phí: Bà Hoàng Lê Diễm T được miễn án phí lao động sơ thẩm và án phí lao động phúc thẩm theo quy định. Công ty cổ phần H phải chịu 428.400 đồng (Bốn trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thu Hương